TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **196/**2022/QĐST-HNGĐ	Hai Bà Trưng, ngày 19 tháng 04 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào Điều 29; khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 212 và Điều 213; Điều 396; Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 12 tháng 04 năm 2022;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 186/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 04 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu: **Chị Nguyễn Thị Bích D** – sinh năm 1991

Và anh Trần Huy N, sinh năm: 1984

Cùng hộ khẩu thường trú và trú tại: Số 4, ngách 37/1 phố Đ, phường T, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Bích D và anh Trần Huy N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/11/2013 tại UBND phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Đây là kết hôn lần thứ nhất của anh chị. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống tại Số 4, ngách 37/1 phố Đ, phường T, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm lối sống, tính cách không hợp

nhau nên cuộc sống không có hạnh phúc. Anh chị đã cố gắng nói chuyện với nhau và được gia đình hai bên hòa giải nhưng không hàn gắn được tình cảm. Hiện vợ chồng vẫn sống cùng nhà nhưng đã sống ly thân từ giữa năm 2021 cho đến nay, mỗi người một cuộc sống, không ai quan tâm đến ai.

Nay chị Nguyễn Thị Bích D và anh Trần Huy N cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung:

Chị Nguyễn Thị Bích D và anh Trần Huy N thống nhất xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Trần Phương T, sinh ngày 23/3/2014 và Trần Bảo C, sinh ngày 30/12/2016. Ly hôn, anh Nam, chị Diệp thống nhất thỏa thuận giao 02 con chung là Trần Phương T và Trần Bảo C cho chị Diệp trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về tài sản chung và nhà ở chung:

Chị Nguyễn Thị Bích D và anh Trần Huy N thống nhất xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về công nợ chung:

Chị Nguyễn Thị Bích D và anh Trần Huy N thống nhất xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí:

Chị Nguyễn Thị Bích D tự nguyện chịu cả 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân:

*** Về tình cảm:** Chị Nguyễn Thị Bích D và anh Trần Huy N cùng thuận tình ly hôn.

*** Về con chung:** Chị Nguyễn Thị Bích D và anh Trần Huy N thống nhất xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Trần Phương T, sinh ngày 23/3/2014 và Trần Bảo C, sinh ngày 30/12/2016. Ly hôn, công nhận sự thỏa thuận của hai bên, giao 02 con chung là Trần Phương T và Trần Bảo C cho chị Nguyễn Thị Bích D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, kể ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (19/04/2022) cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc tới khi anh chị có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị Bích D và anh Trần Huy N thống nhất thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Huy N có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm hỏi, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

*** Về tài sản chung và nhà ở chung:**

Chị Nguyễn Thị Bích D và anh Trần Huy N thống nhất xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

*** Về công nợ chung:**

Chị Nguyễn Thị Bích D và anh Trần Huy N thống nhất xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án :

Chị Nguyễn Thị Bích D tự nguyện chịu cả 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 00012349 ngày 07/04/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng – Thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND P.Trương Định, HBT;
(Số 164; số 01-2013)
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Nguyễn Thanh Tú